

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**
Số: 1109/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt phân tán theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 trên địa bàn thành phố Rạch Giá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 05/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh về việc

phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và Công văn số 320/BDT-PKHTH&CSDT ngày 30/8/2022 của Ban Dân tộc tỉnh về việc thông báo kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 1973/HD-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/10/2022 của UBND thành phố về việc Triển khai vốn thực hiện Dự án 01 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 trên địa bàn thành phố Rạch Giá;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt phân tán theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 trên địa bàn thành phố Rạch Giá *(theo danh sách đính kèm).*

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Căn cứ danh sách đối tượng được hỗ trợ và kinh phí được phê duyệt, Chủ tịch UBND phường Vĩnh Lợi, Vĩnh Hiệp và xã Phi Thông chịu trách nhiệm triển khai hỗ trợ cho các đối tượng được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện đúng quy định và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố (thông qua Văn phòng HĐND và UBND thành phố).

2. Giao Văn phòng HĐND và UBND thành phố có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, giám sát, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện trên địa bàn có đối tượng được hỗ trợ; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 thành phố Rạch Giá.

3. Phòng Quản lý đô thị thành phố có trách nhiệm phối hợp với UBND các phường, xã, hướng dẫn trong việc định vị vị trí xây dựng nhà ở; cung cấp danh sách các trường hợp được phê duyệt gửi Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV cấp thoát nước Kiên Giang để được hỗ trợ cấp nước sạch, đủ tiêu chuẩn theo quy định.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, phòng Quản lý đô thị thành phố, Chủ tịch UBND phường Vĩnh Lợi, Vĩnh Hiệp, xã Phi thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *Th*

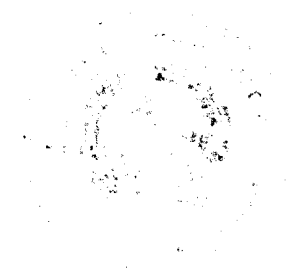
Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- CT và các PCT UBND TP;
- LĐVP, CVNC;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Th
Nguyễn Thị Hồng Linh



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

HỘ GIA ĐÌNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỒ TRỢ NHÀ Ở VÀ NƯỚC SINH HOẠT PHẦN TÁN THUỘC CTMTQG
PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG BÀO DTTS NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố)

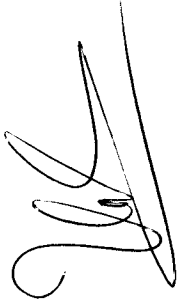
STT	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Nơi cư trú	Ghi chú
I					
01	Danh Dự	1962	Khmer	Tổ 12, khu phố 3, phường Vĩnh Lợi	
02	Kiên Thương	1958	Khmer	Tổ 01, ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
03	Lâm Văn Rốt	1964	Khmer	Tổ 11, ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
II					
Hồ trợ nước sinh hoạt phần tán					
1	Danh Tiên	1993	Khmer	Tổ 04, khu phố 4, phường Vĩnh Lợi	
2	Thị Gái Lớn	1965	Khmer	Số 167B Lê Minh Xuân, khu phố 4, phường Vĩnh Lợi	
3	Danh Phước	1994	Khmer	Số 02 Nguyễn Văn Nhi, khu phố 4, phường Vĩnh Lợi	
4	Thạch Thị Sang	1960	Khmer	Số 20/14 Nguyễn Văn Nhi, khu phố 4, phường Vĩnh Lợi	
5	Thị Mai Loan	1982	Khmer	Số 164 Cao Thắng, khu phố 4, phường Vĩnh Lợi	
6	Thị Thắm	1945	Khmer	Tổ 5, khu phố Dãy Ôc, phường Vĩnh Hiệp	

7	Danh Hạnh	1978	Khmer	Tổ 16, khu phố Phi Kinh, phường Vĩnh Hiệp	
8	Lê Văn Hiền	1980	Khmer	Tổ 12 khu phố Vĩnh Viễn, phường Vĩnh Hiệp	
9	Danh Út Thiêm	1948	Khmer	Tổ 05 ấp Sóc Cung, xã Phi Thông	
10	Danh Máy	1984	Khmer	Tổ 05 ấp Sóc Cung, xã Phi Thông	
11	Thị Diễm	1958	Khmer	Tổ 07 Tà Tây, xã Phi Thông	
12	Trịnh Hoạch	1954	Khmer	Tổ 05 Tà Tây, xã Phi Thông	
13	Lâm Nhơn	1948	Khmer	Tổ 05 Tà Tây, xã Phi Thông	
14	Danh Hai	1969	Khmer	Tổ 07 Tà Tây, xã Phi Thông	
15	Danh Thịnh	1944	Khmer	Tổ 07 Tà Tây, xã Phi Thông	
16	Danh Út	1962	Khmer	Tổ 10 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
17	Thị Sao	1949	Khmer	Tổ 05 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
18	Thị Mạng	1951	Khmer	Tổ 06 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
19	Danh Cát	1953	Khmer	Tổ 09 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
20	Thị Kim Yến	1992	Khmer	Tổ 09 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
21	Danh Viên	1949	Khmer	Tổ 09 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
22	Danh Thư	1970	Khmer	Tổ 10 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
23	Thị Dung	1991	Khmer	Tổ 12 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
24	Danh Thành Công	1991	Khmer	Tổ 10 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
25	Thị Đòn	1980	Khmer	Tổ 02 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	

26	Lâm Thành Sự	1972	Khmer	Tổ 08 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
27	Thị Đưôm	1990	Khmer	Tổ 09 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
28	Danh sĩ	1965	Khmer	Tổ 10 ấp Tà Keo Vàm, xã Phi Thông	
19	Khuong Thị Nâu	1932	Khmer	Tổ 02 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
30	Dương Thị Lệ	1959	Khmer	Tổ 06 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
31	Danh Đăng	1940	Khmer	Tổ 07 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
32	Danh Thị Lê Diệu	1991	Khmer	Tổ 08 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
33	Danh Thị Hậu	1993	Khmer	Tổ 08 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
34	Thị Cửa	1989	Khmer	Tổ 08 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
35	Danh Phái	1994	Khmer	Tổ 09 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
36	Danh Hai	1928	Khmer	Tổ 10 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
37	Lâm Văn Rót	1964	Khmer	Tổ 11 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
38	Lâm Hoàng Thi	1981	Khmer	Tổ 11 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
39	Thị Hiền	1978	Khmer	Tổ 10 ấp Tà Keo Ngọn, xã Phi Thông	
40	Danh Thiện	1956	Khmer	Tổ 04 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	
41	Thị Sim	1933	Khmer	Tổ 04 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	
42	Thị Thành	1975	Khmer	Tổ 01 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	
43	Thị Phái	1946	Khmer	Tổ 02 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	
44	Liêu Rót	1970	Khmer	Tổ 02 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	
45	Liêu Vinh	1946	Khmer	Tổ 04 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	

46	Danh Nhóc	1949	Khmer	Tổ 4 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	
47	Danh Kim Vân	1963	Khmer	Tổ 5 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	
48	Liêu Thị Bé	1962	Khmer	Tổ 4 ấp Trung Thành, xã Phi Thông	

Người lập danh sách



Trần Thị Mỹ Dung

Rạch Giá, ngày 16 tháng 11 năm 2022

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hồng Linh